

Số: 23/2023/QĐST-HNGĐ

Tân Uyên, ngày 04 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Hà Văn T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản B, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Lò Thị T1, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Bản B, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Văn T và chị Lò Thị T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Lò Thị T1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Hà Văn T và chị Lò Thị T1 có 01 con chung là Hà Thiên H, sinh ngày 02/7/2021. Anh Hà Văn T và chị Lò Thị T1 thỏa thuận, thống nhất sau khi ly hôn:

Anh Hà Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hà Thiên H, sinh ngày 02/7/2021 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị Lò Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn T không yêu cầu chị Lò Thị T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hà Thiên H.

2.4. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung Anh Hà Văn T và chị Lò Thị T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn Anh Hà Văn T và bị đơn chị Lò Thị T1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hà Văn T tự nguyện nộp toàn bộ án phí của vụ án bao gồm cả phần án phí mà chị Lò Thị T1 phải chịu. Tổng cộng anh Hà Văn T phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Xác nhận anh Hà Văn T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0001455 ngày 16/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho anh Hà Văn T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã P, huyện Tân Uyên, Lai Châu;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Oanh